TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2025/LĐ-ST
Ngày: 07-3-2025
V/v Tranh chấp hợp đồng lao động

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thảo Nguyên – Chuyên viên Ban Tổ chức Thành Ủy thành phố Thủ Dầu Một.

2. Ông Hoàng Minh Tuấn – Chuyên viên Liên đoàn Lao động Tp. Thủ Dầu Một

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đình Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một *tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 61/2024/TLST–LĐ ngày 28/10/2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng lao động", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2025/QĐXXST-LĐ ngày 24 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Dương Thị Bé Q, sinh năm 1993; địa chỉ: Số X khu phố 2, phường H, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Bị đơn: Công ty TNHH N; địa chỉ trụ sở: Số X, khu công nghiệp V, phường H, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

3.1 Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1995; địa chỉ: Số X khu phố 2, phường H, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

3.2 Bảo hiểm xã hội thành phố T, tỉnh Bình Dương; địa chỉ: Đường N, khu phố Bình Hòa, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, văn bản trình bày ý kiến, nguyên đơn Dương Thị Bé Q trình bày:*

Bà Dương Thị Bé Q là công nhân của Công ty TNHH Sài Gòn Stec, địa chỉ số 7, đường số 7, Khu công nghiệp ViSip II, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Bà Dương Thị Bé Q được công ty đăng ký tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 09/2011 đến tháng 01/2023 có mã số sổ bảo hiểm là 7411260935. Sau đó, do hoàn cảnh gia đình nên bà Q xin thôi việc tại Công ty TNHH Sài Gòn Stec và hoàn tất thủ tục chốt sổ bảo hiểm xã hội để hưởng các khoản trợ cấp. Bà Dương Thị Bé Q liên hệ bảo hiểm xã hội T để xin được nhận tiền bảo hiểm xã hội một lần và đã được Bảo hiểm xã hội T trả lời bằng văn bản thể hiện "Quá trình đóng bảo hiểm của bà Dương Thị Bé Q bị trùng do Công ty TNHH N có đóng bảo hiểm cho bà Dương Thị Bé Q" và không giải quyết cho bà Q chế độ bảo hiểm xã hội. Bảo hiểm xã hội tỉnh Bình Dương có văn bản xác định bà Q có 02 mã số bảo hiểm xã hội khác nhau và có thời gian tham gia bảo hiểm xã hội bị trùng từ tháng 09/2011 đến tháng 04/2012. Theo nội dung trình bày trong đơn khởi kiện thì bà Q xác định có cho người quen là bà Nguyễn Thị Thu T mượn thông tin cá nhân để ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH N và bà T được công ty TNHH N đăng ký thông tin bảo hiểm xã hội dưới tên Dương Thị Bé Q bằng mã số sổ 7411057875. Do nhận thấy quyền lợi bị xâm phạm nên bà Q khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa bà Dương Thị Bé Q và Công ty TNHH N tháng 09/2011 đến tháng 04/2012 vô hiệu toàn bộ.

****** *Bị đơn là Công ty TNHH N* vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Toà án.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thu T trình bày:*

Vào tháng 09 năm 2011 giữa Công ty TNHH N và bà T có ký hợp đồng lao động (thời gian lâu rồi bà không nhớ hợp đông lao động có xác định thời hạn hay không xác định thời hạn). Bà làm việc tại công ty đến tháng 4 năm 2012 thì nghỉ việc. Khi bà đến Công ty làm việc, bà cung cấp cho Công ty hồ sơ xin việc thể hiện tên người xin việc là bà Dương Thị Bé Q do đó toàn bộ hồ sơ tại công ty liên quan người lao động làm việc cho Công ty TNHH N đều thể hiện tên Dương Thị Bé Q vì vậy, hàng tháng Công ty đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động đều có tên Dương Thị Bé Q mà không phải là Nguyễn Thị Thu T. Bà xác định bà mượn hồ sơ của bà Q để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH N là vì thời điểm đó bà không có đủ hồ sơ xin việc nên mượn hồ sơ của bà Q để xin việc làm. Do tại thời điểm này bà T không biết việc mượn hồ sơ của người khác để xin việc là bị pháp luật nghiêm cấm.

Nay, bà Dương Thị Bé Q khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hợp đồng lao động giữa Công ty TNHH N và bà Dương Thị Bé Q (do bà Nguyễn Thị Thu T ký kết) từ tháng 09/2011 đến tháng 4/2012 bị vô hiệu thì bà đồng ý. Ngoài ra, bà không trình bày gì khác và bà xác định không có yêu cầu độc lập trong vụ án.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố T trình bày:* Công ty TNHH N có đóng Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hiểm tai nạm lao động – bệnh nghề nghiệp cho bà Dương Thị Bé Q, sinh năm 1993, số chứng minh nhân dân 281000952, mã số Bảo hiểm xã hội 7411057875 từ tháng 9/2011 và Bảo hiểm xã hội thành phố T đã thực hiện chốt sổ

đối với mã số 7411057875 ngày 09/5/2012. Bảo hiểm xã hội thành phố T đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật và có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Bị đơn không chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

+ Về nội dung: Căn cứ Điều 50, 51 Bộ luật Lao động năm 2019; Điều 127; Điều 131 của Bộ luật dân sự; Áp dụng Điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tranh chấp hợp đồng lao động.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Bà Dương Thị Bé Q khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hợp đồng lao động giữa Công ty TNHH N và bà Nguyễn Thị Thu T từ tháng 9/2011 đến tháng 4/2012 bị vô hiệu theo quy định của pháp luật. Xét, đây là vụ án "Tranh chấp về hợp đồng lao động" được quy định tại khoản 1 Điều 32 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn Công ty TNHH N có địa chỉ trụ sở: Số 33, Đường số 7, khu công nghiệp VSIP II, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

[3] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Nguyên đơn bà Dương Thị Bé Q; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố T, bà Nguyễn Thị Thu T có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. bị đơn công ty TNHH N vắng mặt suốt quá trình tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử vắng mặt các đương sự theo Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện vào tháng 9 năm 2011 giữa Công ty TNHH N và bà Q (thực tế bà T) ký hợp đồng lao động. Bà T làm việc tại công ty đến tháng 4 năm 2012 thì nghỉ việc. Tại thời điểm nộp hồ sơ xin việc và ký kết hợp đồng lao động thì bà T mượn thông tin cá nhân của bà Q để làm hồ sơ xin việc. Do đó, hồ sơ thể hiện tên người xin việc là bà Dương Thị Bé Q nên toàn bộ hồ sơ tại công ty liên quan đến người lao động làm việc cho Công ty TNHH N đều thể hiện tên Dương Thị Bé Q. Vì vậy, hàng tháng công ty đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động đều có tên Dương Thị Bé Q mà không phải là Nguyễn Thị Thu T. Bà Nguyễn Thị Thu T cũng thừa nhận việc sử dụng thông tin của bà Q để ký kết hợp đồng lao động là do không nhận thức được quy định pháp

luật. Xét, sự thừa nhận của các đương sự là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Nguyễn Thị Thu T dùng nhân thân của bà Dương Thị Bé Q để ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH N từ tháng 9 năm 2011 đến tháng 4 năm 2012 là không đúng chủ thể xác lập giao dịch dân sự, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động được quy định tại Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994 (Điều 15 Bộ luật Lao động năm 2019). Vì vậy, căn cứ quy định tại Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005 (Điều 127 Bộ luật dân sự năm 2015) xét thấy, yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng lao động giữa người lao động có tên Dương Thị Bé Q và người sử dụng lao động Công ty TNHH N từ tháng 9 năm 2011 đến tháng 34 năm 2012 là có cơ sở chấp nhận.

Do đương sự chỉ yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu và không có yêu cầu giải quyết về hậu quả của hợp đồng vô hiệu nên không xem xét.

Đối với quyền lợi của bà Nguyễn Thị Thu T hiện bà T không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét

[6] Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Nguyên đơn được miễn án phí theo quy định. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn Công ty TNHH N phải chịu án phí lao động sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 122, 132, 137 Bộ luật dân sự năm 2005 (Các Điều 117, 122, 127; 131 của Bộ luật dân sự);

Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994;

Các Điều 15, 49, 50 và Điều 51 Bộ luật Lao động năm 2019;

Áp dụng Điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị Bé Q về việc tranh chấp hợp đồng lao động với bị đơn Công ty TNHH N.

2. Tuyên bố Hợp đồng lao động giao kết giữa bà Dương Thị Bé Q và Công ty TNHH N từ tháng 9 năm 2011 đến tháng 4 năm 2012 bị vô hiệu.

3. Về hậu quả của Hợp đồng lao động vô hiệu: Bảo hiểm xã hội thành phố T thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội đối với bà Dương Thị Bé Q theo quy định pháp luật.

4. Về án phí:

Nguyên đơn bà Dương Thị Bé Q được miễn án phí theo quy định tại Điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Bị đơn Công ty TNHH N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí lao động sơ thẩm.

5. Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP.TDM;
- Chi cục THADS TP.TDM;
- Các đương sự;
- Lưu HS, Tòa.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Hồng Phương